

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HC-ST

Ngày: 19-9-2019

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhạc

Bà Lưu Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2018/TLST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2018, về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972

Bà Lê Thị Thu X, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: khu phố H, phường HT, thành phố PT, tỉnh BT

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Minh H, sinh năm 1958

Địa chỉ: số 387/62 THĐ, phường BH, thành phố PT, tỉnh BT

(Theo giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Trương Văn C chứng nhận ngày 20/10/2018)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Nam L – Phó Chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền số 6041/UBND-TH ngày 16/8/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Hoàng Q – Phó Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phan Thiết

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc H – Chủ tịch (có văn bản số 3506/UBND-NCKSTTHC ngày 18/9/2019 đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn L – Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật Hội luật gia tỉnh Bình Thuận và bà Nguyễn Thị Kim P – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T – Chuyên viên Phòng Quản lý đất (Theo văn bản ủy quyền số 2352/UQ-PTQĐ ngày 23/8/2019)

Những người tham gia tố tụng có mặt ông Lê Văn T, ông Võ Minh H, ông Nguyễn Nam L, ông Nguyễn Đức T, ông Lương Hoàng Q, bà Nguyễn Thị Kim P và luật sư Lê Văn L; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án – Người khởi kiện và người đại diện hợp pháp – ông Võ Minh H trình bày:

Hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Lê Thị Thu X bị nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng công trình đường và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B theo Quyết định thu hồi đất số 9952/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TN ngày 17/9/2012 và Ủy ban nhân dân phường HT ngày 27/9/2012.

Sau khi thu hồi đất năm 2007, đến ngày 20/02/2014, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết mới ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, với tổng số tiền là 1.545.879.200đồng, gồm:

- Bồi thường về đất: 1.059.704.800đồng;
- Bồi thường cây cối, hoa màu: 32.015.200đồng;
- Hỗ trợ chênh lệch giá đất nông nghiệp giữa phường HT và xã TN: 545.159.200đồng.

Tổng số tiền này phù hợp với Bảng tính toán dự thảo giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Thông báo số 79/TB-PTQĐ ngày 09/01/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận. Riêng tại mục ghi chú của Thông báo này có nội dung: “Trung tâm chưa tính hỗ trợ đất nông nghiệp trong đô thị theo Điều 28 Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010, Trung tâm sẽ tính bổ sung sau”.

Đến ngày 02/7/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất mới mời hộ ông Lê Văn T

đến nhận tiền theo Quyết định số 225/QĐ-UBND, nhưng chỉ nhận 309.175.840đồng/1.545.879.200đồng, tương đương 20%. Số tiền còn lại Trung tâm phát triển quỹ đất không trả lời được thời gian nào chi trả và cũng không giải thích lý do vì sao không chi trả hết số tiền theo quyết định bồi thường và gần 4 năm sau, đến ngày 24/5/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất mới chi trả xong số tiền này.

Ngay sau khi nhận tiền, hộ ông Lê Văn T đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để khiếu nại về khoản hỗ trợ mà Trung tâm phát triển quỹ đất đã ghi tại Bảng tính toán dự thảo giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Thông báo số 79/TB-PTQĐ ngày 09/01/2014, nhưng các cơ quan chức năng không giải quyết khiếu nại.

Vì vậy, nay ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thực hiện hành vi hành chính:

- Ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ theo Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T, gồm các khoản: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

- Thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường theo Quyết định số 225/QĐ-UBND cho hộ ông Lê Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, cụ thể bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm chi trả 1.236.703.360đồng, tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/5/2018.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết trình bày tại Công văn số 2418/UBND-TH ngày 03/4/2019:

Hộ ông Lê Văn T có tổng diện tích đất bị thu hồi là 17.203m² (gồm thửa số 22/10.687m², thửa số 02/6.516m²). Hộ ông Lê Văn T được địa phương xác nhận là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Về chính sách bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Về giá đất được thực hiện theo Quyết định số 58/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; Về tài sản được thực hiện theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Căn cứ các văn bản này, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 22/02/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn T, với tổng số tiền 1.545.979.200đồng (hộ ông T đã nhận hết số tiền bồi thường).

Riêng phần hỗ trợ cho hộ ông T, do chưa có sự thống nhất giữa các ngành về nội dung 30% diện tích đất nông nghiệp sử dụng hợp pháp bị thu hồi nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh chưa có cơ sở tính toán để lập hồ sơ bồi thường. Liên quan đến nội dung này, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết đã có Văn bản số 13344/UBND-QHĐĐ ngày 06/12/2018 báo cáo vướng mắc và xin ý kiến chỉ đạo

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành xem xét, giải quyết, đến nay chưa có kết quả.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau: Về các khoản hỗ trợ theo yêu cầu của người khởi kiện, ý kiến như đã nêu tại Công văn số 2418/UBND-TH ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết. Đối với yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm chi trả 1.236.703.360 đồng, tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/5/2018 thì do chính sách bồi thường về đất trong trường hợp của hộ ông Lê Văn Trí được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai trước khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực, không có văn bản nào quy định về việc thanh toán khoản tiền này, chỉ có điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định về việc chậm bồi thường thì căn cứ giá đất tại thời điểm bồi thường để giải quyết. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận trình bày tại công văn số 5025/PTQĐ-QLQĐ ngày 21/12/2018:* Về phần hỗ trợ 30% diện tích đất nông nghiệp sử dụng hợp pháp bị thu hồi, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đã có Công văn số 4723/PTQĐ-QLQĐ gửi Hội đồng bồi thường báo cáo vướng mắc việc tính các khoản hỗ trợ đối với hồ sơ thực hiện trước đây theo Quyết định số 27, 51, 28 thuộc dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho chủ trương thì Trung tâm sẽ thực hiện.

Tại phiên tòa, đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận thống nhất với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết.

- *Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận:* Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nên Tòa án đã có Thông báo xác lập tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại Công văn số 1924/UBND-NCKSTTHC ngày 03/6/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản nêu ý kiến và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Tòa án, nhưng đến nay Tòa án không nhận được ý kiến gì.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thống nhất với ý kiến trình bày của phía người bị kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân

dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

- Về nội dung:

+ Khi ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết chưa xem xét các khoản hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn T. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đều thừa nhận việc này, nên người khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ gồm các khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và các Điều 27, 28 Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 51 ngày 24/9/2007 của UBND tỉnh Bình Thuận; nay là khoản 1 Điều 84 Luật đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017, khoản 5, 7 Điều 1 Quyết định số 05 ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố Phan Thiết về việc không ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ ông Lê Văn T là hành vi hành chính trái pháp luật; đồng thời buộc UBND thành phố Phan Thiết thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu của người khởi kiện, về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013: người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận cho rằng trường hợp của hộ ông Lê Văn T thu hồi đất trước khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực, văn bản pháp luật về đất đai trước thời điểm này không có quy định nào thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường, chỉ có điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định về việc chậm bồi thường thì căn cứ giá đất tại thời điểm bồi thường để giải quyết. Tuy nhiên, điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 chỉ quy định xem xét khi chi trả tiền bồi thường mà giá đất có chênh lệch, chứ không phải quy định về việc thanh toán thêm khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường. Trường hợp hộ ông Lê Văn T đến ngày 24/5/2018 mới chi trả xong số tiền bồi thường. Vì vậy, căn cứ khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 3 Điều 3 Luật số 106/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, buộc Ủy ban nhân dân thành

phố Phan Thiết phải chi trả thêm cho hộ ông T một khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán.

+ Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về trình tự, thủ tục thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị khiếu kiện:

[2.1] Thực hiện Dự án xây dựng công trình và tạo quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 về việc thu hồi và giao đất tổng thể xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường 706B (giai đoạn 2) tại xã Thiện Nghiệp, phường Hàm Tiến, phường Mũi Né (thành phố Phan Thiết). Trên cơ sở Quyết định số 3145/QĐ-UBND này, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết đã ban hành Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T, với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 17.203m² (gồm thửa đất số 22/diện tích 10.687m² thuộc tờ bản đồ số 02 và thửa số 02/diện tích 6.516m² thuộc tờ bản đồ số 03).

[2.2] Sau khi có Quyết định thu hồi đất và kết luận của Hội đồng bồi thường, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận đã lập hồ sơ bồi thường và gửi Thông báo số 79/TB-PTQĐ ngày 09/01/2014 về việc kiểm tra bảng dự toán dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (kèm theo Bảng tính toán dự thảo giá trị bồi thường, hỗ trợ) cho hộ ông Lê Văn T. Trên cơ sở hồ sơ dự toán bồi thường của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn T, với tổng số tiền là 1.545.879.200đồng gồm:

- Bồi thường về đất: 1.059.704.800đồng;
- Bồi thường cây cối, hoa màu: 32.015.200đồng;
- Hỗ trợ chênh lệch giá đất nông nghiệp giữa phường HT và xã TN theo khoản 4 Điều 3 Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh Bình Thuận: 545.159.200đồng.

[2.3] Xét trình tự, thủ tục thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T và thẩm quyền ban

hành các quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị khiếu kiện như trên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3] Về các hành vi hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố Phan Thiết thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn T, gồm các khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đều thống nhất xác định trường hợp thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T được xem xét hỗ trợ. Tuy nhiên, do chưa thống nhất giữa các ngành của tỉnh về nội dung 30% diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nên chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Lê Văn T.

Xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo khoản 6 Điều 210 (Điều khoản chuyển tiếp) Luật đất đai năm 2013 quy định *“6. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo phương án của Luật này”*.

Như vậy, việc thu hồi đất trong trường hợp này đối với hộ ông Lê Văn T, các khoản hỗ trợ chưa được phê duyệt. Vì vậy, theo điều khoản chuyển tiếp được trích dẫn trên thì yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn T, gồm hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do bị thu hồi đất theo Quyết định số 9952/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật đất đai năm 2013 và Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả 1.236.703.360 đồng và thời gian chậm trả từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/5/2018 theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013:

Đối với yêu cầu này của người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận không đồng ý; Vì trường hợp thu hồi đất của hộ ông Lê Văn T đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, với tổng số tiền là 1.545.879.200đồng, trước ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực, hộ ông Lê Văn T đã nhận đủ số tiền này và chính sách bồi thường được thực hiện theo Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Bình Thuận; Các văn bản pháp luật này không quy định thanh toán thêm khoản tiền trong trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường.

Xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo khoản 1 Điều 14 (Điều khoản chuyển tiếp) Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định “1. Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”.

Đối với trường hợp của hộ ông Lê Văn T, theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết về việc phê duyệt phương án bồi thường, với tổng số tiền là 1.545.879.200đồng, nhưng đến ngày 02/7/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất mới mời hộ ông Lê Văn T đến nhận tiền, nhưng chỉ nhận 309.175.840đồng/1.545.879.200đồng, số tiền còn lại đến ngày 24/5/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất mới chi trả xong.

Như vậy, theo quy định tại điều khoản chuyển tiếp được trích dẫn trên của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 thì trường hợp của hộ ông Lê Văn T đối với khoản tiền thanh toán thêm do chi trả chậm phải áp dụng Luật đất đai năm 2013 để xem xét xử lý, nên người khởi kiện đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 để yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền bồi thường chậm chi trả 1.236.703.360đồng và thời gian chậm trả từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/5/2018 là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X, do ông Võ Minh H đại diện là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết phải chịu án phí hành chính sơ

thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X đã nộp được hoàn lại cho ông T, bà X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điểm a, b khoản 2 Điều 83; khoản 1 Điều 84; khoản 2 Điều 93; khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; các Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện – ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X:

1.1. Tuyên bố hành vi hành chính không ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn T, gồm hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết ban hành quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn T, gồm hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật.

1.2. Tuyên bố hành vi hành chính không thanh toán cho hộ ông Lê Văn T thêm khoản tiền bằng mức chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền bồi thường chậm chi trả và thời gian chậm trả của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thanh toán thêm cho hộ ông Lê Văn T khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền bồi thường chậm chi trả và thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

2.1. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết phải chịu 300.000đồng (Ba

trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu X 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0024939 ngày 11/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái